

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số/QĐ- ĐHHB ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)

Tên chương trình	: Dược học
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Dược học
Tên tiếng Anh	:
Mã số	: 7720201
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Danh hiệu tốt nghiệp	: Dược sĩ Dược học

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Dược sĩ trình độ đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở vững, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản, có khả năng làm việc trong lĩnh vực Dược một cách chuyên nghiệp, có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ chuyên môn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức:

- Có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở;
- Có kiến thức cơ bản về chuyên môn dược; hướng dẫn người bệnh sử dụng thuốc một cách hợp lý, hiệu quả và an toàn.
- Biết và vận dụng được các văn bản quy phạm pháp luật về dược có liên quan đến lĩnh vực hoạt động chuyên ngành;
- Hiểu biết về tổ chức y tế, các mô hình tổ chức và quản lý nhà nước về dược; các mô hình công ty, sản xuất kinh doanh thuốc; mô hình quản lý chất lượng thuốc liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện được các hoạt động nghiệp vụ dược liên quan đến quản lý, tồn trữ và cung ứng thuốc tại khoa Dược bệnh viện, Công ty cung ứng thuốc và nhà thuốc GPP;
- Triển khai và thực hiện đúng các hướng dẫn về thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), thực hành tốt phân phối thuốc (GDP); Thực hành tốt nhà thuốc (GPP); Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP); Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP)
- Áp dụng và kiểm tra được việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược trong

- Có đủ kỹ năng nghề nghiệp để đảm nhiệm được các vị trí được phân công trong phạm vi chuyên môn tại nhà máy sản xuất thuốc;
- Áp dụng được các biện pháp đảm bảo chất lượng thuốc trong suốt quá trình sản
- Áp dụng và kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược trong lĩnh vực sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ thuốc;
- Phối hợp được với đồng nghiệp để tổ chức triển khai thực hiện những nghiệp vụ chuyên môn được giao và hướng dẫn, giúp đỡ cán bộ cao đẳng về chuyên môn Dược;
- Có khả năng cập nhật các kiến thức về Y Dược học và về các lĩnh vực có liên quan, tham gia nghiên cứu khoa học và tham khảo được các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

1.2.3. Thái độ

- Tận tụy, có trách nhiệm trong hành nghề, có đạo đức nghề nghiệp, vì sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;
- coi trọng việc kết hợp dược học hiện đại với dược học cổ truyền;
- Tôn trọng pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp;
- Trung thực, khách quan, quan tâm đến nghiên cứu khoa học và tự học tập nâng cao trình độ.
- Trung thực, khách quan, thân trọng, ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp, chân thành hợp tác với đồng nghiệp.
- Tôn trọng quyền của người bệnh.
- Có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục và suốt đời.

Về trình độ Ngoại ngữ: Áp dụng chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo (*Tương đương cấp độ B1 của CEFR - Khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng châu Âu*).

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

- Đảm nhiệm các vị trí dược sĩ đại học trong các công ty sản xuất, kinh doanh thuốc, khoa dược bệnh viện và những nơi có yêu cầu sử dụng dược sỹ.
- Có khả năng tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên môn dược.

2. Chuẩn đầu ra:

*** Chuẩn kiến thức:**

Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Max-Lê Nin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước trong công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung, liên quan đến ngành Dược nói riêng.

- Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội làm nền tảng để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

- Hiểu biết và vận dụng kiến thức đạo đức hành nghề dược trong hoạt động nghề nghiệp.

- Có kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở và có phương pháp luận cơ bản trong nghiên cứu khoa học.

- Có kiến thức chuyên môn cơ bản về bào chế, sản xuất, đảm bảo chất lượng thuốc, kiểm nghiệm và cung ứng đặc biệt là tư vấn sử dụng thuốc cho bệnh nhân và cộng đồng.

- Nắm vững được các chủ trương, chính sách và các quy định của pháp luật liên quan đến công tác Dược.

- Có kiến thức bổ trợ về một số lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dược (phát triển, sản xuất nguyên liệu làm thuốc. sản xuất các chế phẩm thông thường.)

- Dược lâm sàng (hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý trong bệnh viện và cộng đồng)

- Quản lý và kinh tế dược (quản lý, cung ứng, kinh doanh trong lĩnh vực dược).

- Đảm bảo chất lượng thuốc (đảm bảo chất lượng thuốc, kiểm nghiệm chất lượng nguyên liệu và dược phẩm và mỹ phẩm).

- Dược liệu và dược cổ truyền (bảo tồn, khai thác, nuôi trồng, chế biến, sản xuất, tư vấn sử dụng dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu).

*** Chuẩn kỹ năng:**

*** Kỹ năng cứng**

- Thực hiện được các thực hành tốt trong sản xuất, đảm bảo chất lượng, tồn trữ, cung ứng và tư vấn sử dụng thuốc. Tham gia các hoạt động khoa học công nghệ trong các lĩnh vực trên.

- Thực hiện được các văn bản pháp quy về quản lý dược và kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó.

- Tham gia xây dựng và triển khai kế hoạch về công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và các chương trình y tế quốc gia.

- Tư vấn và hướng dẫn dược cho các nhân viên y tế và cộng đồng về sử dụng thuốc an toàn và hợp lý.

- Thu thập, tổng hợp, đánh giá và phổ biến được các thông tin liên quan đến thuốc và sức khỏe.

*** Có thêm một số kỹ năng trong các lĩnh vực sau:**

- Công nghiệp dược: tham gia tổ chức và sản xuất được một số thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

- Dược lâm sàng: phân tích được cách dùng thuốc trong một số ca lâm sàng, tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý cho nhân viên y tế và bệnh nhân và khách hàng tại các hiệu thuốc. Hiểu và thực hành được kỹ năng truyền thông, giao tiếp với thầy thuốc, người bệnh và khách hàng để tư vấn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

- Quản lý và kinh tế dược: thực hiện được các phương pháp, các chức năng quản lý và kinh tế dược trong lựa chọn, mua sắm, phân phối, sử dụng thuốc và các dịch vụ y tế phù hợp với từng địa phương, đơn vị.

- Đảm bảo chất lượng thuốc: đo lường và xử lý được các số liệu trong quá trình đảm bảo chất lượng thuốc.

- Dược liệu và dược cổ truyền: chế biến, kiểm nghiệm, sản xuất, tư vấn và hướng dẫn sử dụng dược một số dược liệu và chế phẩm có nguồn gốc dược liệu.

*** Kỹ năng mềm**

*** Giao tiếp ứng xử:**

- Có khả năng giao tiếp với thầy thuốc, người bệnh và khách hàng, soạn thảo, thuyết trình, thảo luận, đàm phán và làm chủ tình huống.

- Tổ chức và quản lý dược các nguồn lực, dịch vụ đảm bảo môi trường làm việc hiệu quả.

- Thiết lập kế hoạch và quản lý thời gian làm việc một cách hiệu quả.

*** Kỹ năng làm việc nhóm**

- Phối hợp với các thành viên trong nhóm có hiệu quả. Kỹ năng tổ chức học tập

*** Về ngoại ngữ**

- Có khả năng giao tiếp Tiếng Anh thông thường và đọc, hiểu, dịch các tài liệu dược học bằng Tiếng Anh

*** Về tin học**

- Vận dụng được các kiến thức cơ bản của tin học trong soạn thảo, trình bày văn bản, tính toán và thống kê (Word, Excel, Power).

- Có khả năng tiếp cận, sử dụng một số phần mềm thông dụng trong lĩnh vực Y-Dược.

- Có khả năng sử dụng các dịch vụ cơ bản của internet trong tìm kiếm và trao đổi thông tin;

*** Chuẩn thái độ:**

- Có động cơ học tập và làm việc đúng đắn, nhận thức được nhu cầu cập nhật kiến thức liên tục.

- Có đạo đức nghề nghiệp, hành nghề đúng pháp luật, trung thực, khách quan.

- Có trách nhiệm công dân, ý thức cộng đồng.

- Có tinh thần học hỏi, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp

*** Chuẩn vị trí việc làm**

- Đảm nhiệm các vị trí dược sĩ đại học trong các công ty sản xuất, kinh doanh thuốc, khoa dược bệnh viện và những nơi có yêu cầu sử dụng dược sỹ.

- Có khả năng tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên môn dược.

3. Thời gian và khối lượng kiến thức toàn khoá

3.1. Thời gian đào tạo: 5 năm

3.2. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 155 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và Kiến thức bổ trợ).

	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
1	Giáo dục đại cương	43
2	Giáo dục chuyên nghiệp	112
	Các môn trong khối ngành	10
	Kiến thức cơ sở ngành	37

	Kiến thức ngành, chuyên ngành	49
	Học phần tự chọn	6
	Tốt nghiệp (Khóa luận/thi chuyên đề)	10
Tổng cộng		155

4. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện tuyển sinh theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo các quy định của Trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều kiện tốt nghiệp: Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo

Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0/4,0 trở lên

Điểm rèn luyện đạt từ loại khá trở lên

Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng

Có chứng chỉ giáo dục thể chất

Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập

6. Thang điểm

Theo học chế tín chỉ

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với hệ số tương ứng đã được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần. Điểm học phần làm tròn đến một số thập phân.

Chuyển điểm thành điểm chữ và thang điểm 4 như sau :

<i>STT</i>	<i>Loại</i>	<i>Thang điểm 10</i>	<i>Thang điểm chữ</i>	<i>Thang điểm 4</i>
1	Đạt	8,5 - 10	A	4,0
2	Đạt	7,0 - 8,4	B	3,0
3	Đạt	5,5 - 6,9	C	2,0
4	Đạt có điều kiện	4,0 - 5,4	D	1,0
5	Không đạt	Dưới 4,0	E	0,0

7. Nội dung chương trình

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			43						
1	11101 11102	Những nguyên lý CBCN Mác Lenin 1,2	5	30	25	20			
2	11103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	5	10			
3	11104	Đường lối CM ĐCSVN	3	15	20	10			
4	11203	Pháp luật đại cương	2	30					
5	11401	Tiếng Anh 1	3						
6	11402	Tiếng Anh 2	3						
7	11403	Tiếng Anh 3	3						
8	11701	Tin học đại cương	4						
9	17401	Sinh học đại cương	3	30			15		
10	17402	Môi trường	2	30					
11	17403	Hóa Đại cương-Vô cơ	3	30			15		
12	17404	Toán cao cấp - Xác suất thống kê	3	30			15		
13	17405	Vật lý đại cương	4	45	15				
14	17406	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45					
7.2. Khối kiến thức ngành			112						
15	17407	Hóa hữu cơ	5	45			30		
16	17408	Hóa phân tích 1	3	30			15		
17	17409	Hóa phân tích 2	3	30			15		
18	17410	Giải phẫu	2	30					
19	17411	Sinh lý	3	30			15		
20	17412	Vi sinh – Ký sinh trùng	3	30			15		
21	17413	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	45					

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
22	17414	Hóa lý dược	3	30			15		
23	17415	Bệnh học	3	45					
24	17416	Thực vật dược	3	30			15		
25	17417	Đạo đức trong hành nghề dược	2	30					
26	17418	Hóa sinh	4	45			15		
7.2.2. Khối lượng kiến thức ngành: 49 TC									
27	17419	Dược liệu 1	3	30			15		
28	17420	Dược liệu 2	3	30			15		
29	17421	Hóa dược 1	3	30			15		
30	17422	Hóa dược 2	3	30			15		
31	17423	Bào chế và sinh dược học 1	3	30			15		
32	17424	Bào chế sinh dược học 2	3	30			15		
33	17425	Pháp chế dược	3	45					
34	17426	Quản lý kinh tế dược	2	30					
35	17427	Dược lý 1	2	30					
36	17428	Dược lý 2	3	30			15		
37	17429	Độc chất học	2	15			15		
38	17430	Dược lâm sàng 1	2	30					
39	17431	Dược lâm sàng 2	2	15			15		
40	17432	Kiểm nghiệm dược phẩm	3	30			15		
41	17433	Thực hành dược khoa	3	0			45		
42	17434	Sản xuất thuốc	2	30					
43	17435	Dược động học	2	30					
44	17436	Tin học ứng dụng	2	15			15		
45	17437	Dược học cổ truyền	3	30			15		
7.2.3. Khối lượng kiến thức các môn trong khối ngành: 10 TC									
46	17438	Sản xuất thuốc từ dược liệu	2	15			15		
47	17439	Marketing và thị trường dược phẩm	2	30					

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
48	17440	Thực hành về quản lý và cung ứng thuốc	3	0			45		
49	17441	Thực hành về sản xuất thuốc tại các xí nghiệp dược	3	0			45		
7.2.4. Học phần tự chọn: 6TC									
50	17442	Quản lý dược bệnh viện	2	30					
51	17443	Độ ổn định của thuốc	2	30					
52	17444	Các hệ thống trị liệu mới	2	30					
53	17445	Công nghệ nano và sản xuất dược phẩm	2	30					
54	17446	Hóa dược phóng xạ	2	30					
55	17447	Nguyên tố vi lượng và phức chất trong y-dược	2	30					
56	17448	Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	2	30					
57	17449	Dược cộng đồng	2	30					
58	17450	Các phương pháp phân tích quang phổ	2	30					
59	17451	Hồ sơ đăng ký thuốc	2	30					
9.2.5. Tốt nghiệp (Khóa luận/thi chuyên đề): 10 TC									
60	17452	Thực tập tốt nghiệp	4						
61	17453	Khóa luận hoặc thi chuyên đề	6						
9.3. Môn học không tích lũy - 16TC									
62	11801	Giáo dục thể chất	4						
63	11901	Giáo dục QPAN	8						
64	11302 11303	Kỹ năng mềm 1,2	4						

8. Kế hoạch đào tạo dự kiến

TT	Tên học phần	SỐ TC
Học kỳ 1		
1	Tin học đại cương	3
2	Tiếng Anh 1	3
3	Vật lý đại cương	4 (3+1)
4	Giáo dục thể chất	2
5	Môi trường	2
6	Sinh học đại cương	3 (2+1)
7	Giải phẫu	2
Tổng		19
Học kỳ 2		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin P1	3
2	Tiếng Anh 2	3
3	Kỹ năng mềm (Phần 1,2)	4
4	Thực vật dược	3 (2+1)
5	Hóa đại cương vô cơ	3 (2+1)
6	Toán cao cấp - Xác suất thống kê	3 (2+1)
7	Sinh lý	3 (2+1)
Tổng		18 + 4
Học kỳ 3		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin P2	2
2	Hóa hữu cơ	5 (3+2)
3	Vi sinh - Ký sinh trùng	3 (2+1)
4	Tiếng Anh 3	3
5	Sinh lý bệnh và miễn dịch	3
Tổng		16
Học kỳ 4		
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	Hóa sinh	4 (3+1)
2	Hóa phân tích 1	3 (2+1)
3	Hóa lý dược	3 (2+1)
4	Bệnh học	3
5	Hóa dược 1	3 (2+1)
Tổng		18
Học kỳ 5		
1	Đường lối CMĐCSVN	3
2	Hóa dược 2	3 (2+1)
3	Hóa phân tích 2	3 (2+1)

4	Dược liệu 1	3 (2+1)
5	Tin học ứng dụng	2(1+1)
6	Thực hành dược khoa	3 (0+3)
Tổng		17
Học kỳ 6		
1	Pháp luật đại cương	2
2	Dược liệu 2	3 (2+1)
3	Độc chất học	2 (1+1)
4	Dược lý 1	2
5	Dược học cổ truyền	3 (2+1)
6	Đạo đức trong hành nghề dược	2
7	Bào chế và sinh dược học 1	3 (2+1)
Tổng		17
Học kỳ 7		
1	Quản lý kinh tế dược	2
2	Dược lý 2	3 (2+1)
3	Bào chế và sinh dược học 2	3 (2+1)
4	Sản xuất thuốc từ dược liệu	2
5	Pháp chế dược	3
6	Giáo dục Quốc phòng - An ninh.	2
7	Dược động học	2
Tổng		17
Học kỳ 8		
1	Tiếng Anh chuyên ngành	3
2	Dược lâm sàng 1	2
3	Kỹ năng mềm (phần 3,4)	Ko có d.cương
4	Sản xuất thuốc	2
5	Thực hành về quản lý và cung ứng thuốc	3 (0+3)
6	Kiểm nghiệm dược phẩm	3 (2+1)
Tổng		13
Học kỳ 9		
1	Dược lâm sàng 2	2 (1+1)
2	Kiến thức bổ trợ các học phần tự chọn	6
3	Marketing và thị trường dược phẩm	2
4	Thực hành nghề sản xuất thuốc tại các xí nghiệp	3 (0+3)
Tổng		13
Học kỳ 10		
	Khóa luận/thi chuyên đề	10 (0+10)
Tổng		10

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1 Khoa Dược

Xếp lịch dạy học: khi xây dựng lịch dạy học cho mô hình quản lý theo hệ thống tín chỉ, Phòng Đào tạo cần phân định rõ các học phần/tín chỉ độc lập hay phụ thuộc:

+ Các học phần độc lập: là các học phần không cần điều kiện tiên quyết và sự nhận thức chung không cần đến các kiến thức của các học phần khác (học phần trước).

Do vậy có thể bố trí dạy các học phần này vào bất cứ thời điểm nào trong quá trình đào tạo. Đó là các học phần thuộc giáo dục đại cương và số học phần tùy thuộc giáo dục chuyên nghiệp như Giải phẫu, Đạo đức hành nghề dược, Pháp luật và Tổ chức Y tế....

+ Các học phần phụ thuộc: là những học phần cần trang bị trước những kiến thức của một hay một số học phần khác thì sinh viên mới có thể nhận thức được. Những học phần cần trang bị trước là những học phần tiên quyết (xem phần mô tả học phần). Do vậy, cần bố trí các học phần này theo trình tự logic trước – sau một cách rõ ràng.

+ Các học phần còn lại không có điều kiện tiên quyết, nhưng phải học xong trước khi đi thực tập, thực tập tốt nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa học gồm: kế hoạch tiến độ, kế hoạch phân công giảng viên, kế hoạch thi, kế hoạch các mốc công việc trong suốt khóa học....

- Phân thời khóa biểu khoa học, đúng quy định không học dồn...

- Theo dõi, nhắc nhở khoa, giảng viên, sinh viên thực hiện đúng các nội dung trong chương trình.

- Tổ chức thi để đánh giá kết quả giảng dạy và học tập.

- Hướng dẫn quy chế - đào tạo cho sinh viên, giảng viên tư vấn...

- Lập hội đồng bảo vệ Đồ án và lập hội đồng xét tốt nghiệp.

- Thông báo cho sinh viên biết trước các thông tin liên quan đến dạy học ngay từ đầu khóa học:

+ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ (quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ giáo dục và Đào tạo).

+ Danh sách giảng viên lý thuyết, thực hành tại trường, tại nhà thuốc, Công ty dược phẩm, bệnh viện...

+ Các học phần bắt buộc.

+ Các học phần tự chọn

+ Các học phần phụ thuộc/độc lập

+ Các học phần được giảng dạy trong từng học kỳ để sinh viên đăng ký

+ Đề cương học phần/môn học

+ Hình thức/phương pháp thi/đánh giá kết quả học tập

+ Tài liệu học tập/lượng giá

+ Sinh viên đăng ký học phần tự chọn vào cuối học kỳ 7.

- Tổ chức phân công cán bộ tư vấn cho các lớp; Tư vấn giải quyết các đăng ký lựa chọn học phần, giảng viên của sinh viên

- Phân công giảng viên xây dựng bài giảng, file trình chiếu theo giáo trình đã chọn, tổ chức kiểm tra và ký duyệt trước khi giảng viên lên lớp
- Khoa chủ động thay thế giảng viên (nếu cần thiết) nhưng phải đảm bảo nguyên tắc giảng dạy tốt nhất
- Khoa và giảng viên được phân công phải cung cấp kế hoạch bài giảng (theo mẫu) để khoa quản lý, bài giảng, bài tập để cho sinh viên photo làm tài liệu học tập và lưu trữ tại khoa
- Đề xuất việc mua sắm để đảm bảo vật tư, phương tiện thiết bị cho thí nghiệm, thực hành ngay từ đầu các năm học
- Lưu trữ các hồ sơ, tài liệu giảng dạy của giảng viên tại khoa
- Xây dựng và công bố cho sinh viên ngay từ đầu khóa học danh mục đề án học phần, danh mục đề tài tốt nghiệp và các form mẫu.

9.2. Tổ chức và phương pháp dạy học

*** Lý thuyết:**

- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực lấy sinh viên làm trung tâm. coi trọng sự chủ động trong học tập và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên tôn trọng “thực học, thực hành”

- Áp dụng các phương pháp dạy – học phát huy được tích cực, sáng tạo của sinh viên, giúp sinh viên thực hành các năng lực nghề nghiệp được.

Tăng cường hiệu quả các buổi thực hành phòng thí nghiệm và thực tế cộng đồng trên cơ sở xây dựng kế hoạch bài giảng cụ thể, chi tiết chú trọng hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên tăng cường tự thực hành, tự lượng giá và phân công giảng viên kết hợp với giảng viên thỉnh giảng tại cơ sở thực hành huấn luyện, theo dõi, giám sát và hỗ trợ các hoạt động thực hành của sinh viên, xây dựng kế hoạch, phương pháp và công cụ lượng giá phù hợp với từng kỹ thuật, kỹ năng chăm sóc.

- Sinh viên được biết trước lịch học, các bài tập tình huống, chủ đề thảo luận...
- Hướng dẫn sinh viên tìm đọc tài liệu dạy học và tài liệu lượng giá
- Tăng cường thảo luận nhóm
- Học theo cách giải quyết vấn đề (Problem – based – Learning – PBL), giải quyết tình huống (Case – Based – Learning – CBL)

*** Thực tập tại trường (tại phòng thí nghiệm):**

- Hướng dẫn thực hành theo nhóm nhỏ từ 15 đến 20 sinh viên/một phòng thực tập, đảm bảo cho sinh viên có đủ thời gian thực hành

- Có tài liệu hướng dẫn thực hành tại phòng thí nghiệm
- + Thực tập tại cơ sở ngoài trường: Nhà thuốc, nhà thuốc bệnh viện, cơ sở kinh doanh, sản xuất thuốc, tại phòng quản lý dược sở y tế, tại trạm y tế xã phường.

Khoa được có tài liệu hướng dẫn thực tập tại các cơ sở và có các chỉ tiêu, tiêu chí, nội dung cần đạt. Sinh viên thực tập tại cơ sở dưới sự quản lý, hướng dẫn, đánh giá của giảng viên nhà trường và các giảng viên thỉnh giảng tại các cơ sở y tế được công nhận là cơ sở thực hành của Trường.

9.3. Đánh giá quá trình học tập và kết thúc học phần

*** Lý thuyết:**

- Đánh giá bộ phận (*điểm đánh giá quá trình*): ngay từ đầu học phần, giảng viên phải công bố cho sinh viên về các hình thức đánh giá học phần.
- Đánh giá kết thúc học phần/học phân: Tổ chức thi trong kỳ thi chính (*3 tuần cuối học kỳ*)
 - Kết hợp nhiều phương pháp lượng giá, coi trọng việc đánh giá quá trình.
 - Trọng số đánh giá quá trình là 30% và điểm kết thúc học phần là 70% (ngoại trừ học phần Thực tập tốt nghiệp và Đồ án tốt nghiệp)/
 - Hình thức thi:
 - + Trắc nghiệm.
 - + Thi tự luận bằng các câu hỏi truyền thống cải tiến.
 - + Thực hành:
 - Đánh giá đạt/không đạt hoặc cho điểm sau mỗi bài thực hành.
 - Mỗi học phần thực hành tại trường được quyết định đạt/không đạt dựa vào kết quả đánh giá tất cả các bài thực hành (đạt trên 70%)

9.4. Làm khóa luận tốt nghiệp/thi chuyên đề hoặc học tích lũy kiến thức tốt nghiệp

9.4.1. Làm khóa luận tốt nghiệp

Điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp:

- Những sinh viên đạt học lực từ khá trở lên (điểm trung bình chung tích lũy đến hết học kỳ 8 $> 2,75$) và tích lũy đủ tín chỉ; có điểm rèn luyện toàn khóa xếp loại tốt trở lên.
 - Sinh viên được chọn người hướng dẫn và chủ đề làm khóa luận tốt nghiệp.
 - Hằng năm Hiệu trưởng quyết định số lượng sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp tùy thuộc vào điều kiện hiện có về cán bộ hướng dẫn, cơ sở vật chất và thành tích học tập của sinh viên lấy từ cao nhất trở xuống, nhưng không vượt quá 15% tổng số sinh viên toàn khóa.
 - Mỗi giảng viên chỉ được hướng dẫn không quá 4 sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp.
 - Sinh viên phải nộp khóa luận tốt nghiệp cho Khoa được ngay sau khi kết thúc thời gian làm khóa luận.
 - Khóa luận được tổ chức chấm trong thời gian 2 tuần kể từ khi kết thúc thời gian làm khóa luận.
 - Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học
 - Chấm khóa luận tốt nghiệp theo quy chế của Bộ Giáo dục và đào tạo và quy định của Nhà trường.

9.4.2. Học và thi một số học phần (tích lũy kiến thức tốt nghiệp)

- Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp học và thi một số học phần trong khối kiến thức các học phần học bổ sung.

- Học và thi đạt yêu cầu các học phần bổ sung với khối lượng tương đương với số lượng tín chỉ làm khóa luận tốt nghiệp (10 tín chỉ)
- Điểm các học phần này được vào điểm trung bình tích lũy của khóa học.

9.4.3. Công nhận tốt nghiệp

- Những sinh viên tích lũy đủ 161 tín chỉ và có đủ điều kiện khác theo Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2007 sẽ được công nhận tốt nghiệp.

9.4.4. Điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình đào tạo

9.4.4.1. Đội ngũ giảng viên

Giảng viên giảng dạy dược sĩ đại học phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

9.4.4.2. Cơ sở vật chất

- Cơ sở đào tạo phải bảo đảm về cơ sở vật chất theo quy định và hướng dẫn hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo như giảng đường, thư viện, phòng thực tập, thực hành, trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy tích cực, phòng máy tính có kết nối internet.

- Mỗi bộ môn có nội dung học thực hành phải có ít nhất 01 phòng thí nghiệm, thực hành đảm bảo diện tích và được trang bị đầy đủ theo quy định về chuyên môn của Bộ Y tế.

- Đủ mạng lưới các cơ sở thực tập ngoài trường đáp ứng mục tiêu chương trình đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG

NGND.PGS.TS. Tô Ngọc Hưng